

Số: 644 /QĐ-UBND

Quài Tỏ, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Kiện toàn các Tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã Quài Tỏ

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ QUÀI TỎ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hòa giải ở cơ sở ngày 20/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết Liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTWMTTQVN, ngày 18/11/2014 của Chính phủ - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND, ngày 26/6/2026 của HĐND xã Quài Tỏ về việc sắp xếp, tổ chức lại các bản trên địa bàn xã Quài Tỏ;

Căn cứ văn bản đề nghị của Trưởng ban công tác mặt trận các bản trên địa bàn xã;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND tại tờ trình số 43/TTr-VP, ngày 10/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn 19 Tổ hòa giải ở cơ sở tại 19 bản trên địa bàn xã Quài Tỏ, tổng số hòa giải viên 96 người (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các tổ hoà giải và hòa giải viên có nhiệm vụ tham gia hòa giải các vụ việc mâu thuẫn ở cơ sở theo quy định của Luật hòa giải cơ sở; thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 13 của Luật Hòa giải ở cơ sở 2013; Điều 5 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

Định kỳ sáu tháng, hàng năm khi có yêu cầu tổ hòa giải báo cáo tình hình hoạt động, những vụ việc phát sinh, kết quả hòa giải gửi về UBND xã và Thường trực Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

Kinh phí hoạt động của các tổ hòa giải thực hiện theo Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND, ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã.
- Các bản trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Kiên

DANH SÁCH CÁC TỔ HÒA GIẢI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ QUÀI TỖ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND, ngày /8/2026 của UBND xã Quài Tở)

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
1	Mai Thị Tĩnh	1956	Nữ	Kinh	Bản Tân Lập	Trung Cấp
2	Phạm Thị Quy	1964	Nữ	Kinh		Đại học
3	Dương Thị Hạnh	1959	Nữ	Kinh		Đại học
4	Đoàn Văn Diễn	1962	Nam	Kinh		Sơ cấp
5	Lò Văn Phó	1963	Nam	Thái		Không
6	Cà Văn Thiện	1980	Nam	Thái	Bản Bạng	Trung cấp
7	Cà Văn Hồng	1990	Nam	Thái		Cao Đẳng
8	Cà Văn Sang	1963	Nam	Thái		Không
9	Lò Thị Piếng	1975	Nữ	Thái		Không
10	Lò Thị Pọm	1989	Nữ	Thái		Đại học
11	Lò Văn Toán	1976	Nam	Thái	Bản Hới	Trung cấp
12	Quảng Văn Phong	1962	Nam	Thái		Không
13	Tòng Văn Thành	1960	Nam	Thái		Không

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
14	Tòng Thị Thủy	1998	Nữ	Thái		Không
15	Lò Văn Thong	1975	Nam	Thái		Không
16	Vàng Giồng Cá	1978	Nam	Mông	Bản Há Dừa	Không
17	Lầu Dững Sính	1978	Nam	Mông		Không
18	Vàng A Dày	1979	Nam	Mông		Không
19	Vàng A Vừ	1989	Nam	Mông		Trung cấp
20	Thào Thị Dí	1993	Nữ	Mông		Không
21	Mùa A Cầu	1989	Nam	Mông	Bản Thẳm Nặm	Không
22	Hờ Thị Mê	1999	Nữ	Mông		Không
23	Mùa A Chứ	1993	Nam	Mông		Trung cấp
24	Mùa A Xá	1990	Nam	Mông		Không
25	Lầu A Dụ	1991	Nam	Mông		Không
26	Ly A Chổng	1974	Nam	Mông	Bản Huổi Anh	Không
27	Ly A Câu	1994	Nam	Mông		Không

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
28	Mùa A Nhì	1990	Nam	Mông		Không
29	Ly A Sùng	1997	Nam	Mông		Không
30	Mùa A Nhì	1990	Nam	Mông		Không
31	Lầu A Cún	1988	Nam	Mông	Bản Ten Hon	Không
32	Mùa Nhè Di	1975	Nam	Mông		Không
33	Giàng A Phía	1992	Nam	Mông		Đại học
34	Ly A Ma	1991	Nam	Mông		Đại học
35	Ly Thị Máy	1982	Nữ	Mông		Không
36	Lầu A Phía	1995	Nam	Mông	Bản Chế Á	Không
37	Mùa A Khua	1995	Nam	Mông		Không
38	Mùa A Lử	1995	Nam	Mông		Trung cấp
39	Vừ A Lử	1990	Nam	Mông		Cao đẳng
40	Ly Thị Mỹ	1997	Nữ	Mông		Đại học
41	Mùa Nỏ Dia	1975	Nam	Mông	Bản Xá Tự	Không
42	Lầu Vả Chớ	1974	Nam	Mông		Không

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
43	Vàng Phái Páo	1973	Nam	Mông		Không
44	Lầu A Ná	1989	Nam	Mông		Không
45	Mùa Thị Khua		Nữ	Mông		Không
46	Mùa A Vừ	1989	Nam	Mông	Bản Tỏa Tình	Không
47	Chá Dững Khá	1965	Nam	Mông		Không
48	Lầu A Dơ	1990	Nam	Mông		Đại học
49	Vừ A Sùng	1991	Nam	Mông		Không
50	Giàng Thị Sầu	1988	Nữ	Mông		Không
51	Tòng Văn Thiết	1992	Nam	Thái	Bản Xuân Én	Không
52	Lò Văn Dương	1960	Nam	Thái		Không
53	Lò Thị Puồn	1966	Nữ	Thái		Không
54	Lò Văn Chung	1977	Nam	Thái		Không
55	Lò Văn Tâm	1986	Nam	Thái		Không
56	Cà Văn Sươi	1965	Nam	Thái	Bản Xuân Ban	Không
57	Hoàng Thị Sinh	1994	Nữ	Thái		Trung cấp

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
58	Lò Văn Ánh	1957	Nam	Thái		Không
59	Lò Văn Khoán	1956	Nam	Thái		Không
60	Cà Văn Tương	1992	Nam	Thái		Cao đẳng
61	Lường Văn Xuân	1958	Nam	Thái	Bản Hoa Ban	Không
62	Lò Văn Dân	1964	Nam	Thái		Không
63	Lò Văn Xuôi	1972	Nam	Thái		Không
64	Tòng Văn Quân	1962	Nam	Thái		Không
65	Lò Thị Chính	1988	Nữ	Thái		Cao đẳng
66	Lò Văn Thom	1987	Nam	Khơ mú	Bản Hua Ca	Đại học
67	Vàng A Phà	1994	Nam	Mông		Không
68	Lò Thị Ngọc	1998	Nữ	Khơ Mú		Không
69	Lò Văn Pâng	1965	Nam	Khơ Mú		Không
70	Giàng Sáy Vàng	1967	Nam	Mông		Không
71	Tòng Văn Kinh	1952	Nam	Thái	Bản Xuân Tươi	Không
72	Lường Văn Xôm	1964	Nam	Thái		Không

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
73	Quàng Văn Văn	1988	Nam	Thái		Cao đẳng
74	Tòng Văn Chung	1988	Nam	Thái		Không
75	Lò Thị Núi	1984	Nữ	Thái		Không
76	Lầu A Vư	1978	Nam	Mông	Bản Hua Sa	Không
77	Mùa A Thanh	1980	Nam	Mông		Không
78	Vàng A Tuấn	1986	Nam	Mông		Không
79	Giàng A Nhì	1998	Nam	Mông		Không
80	Vàng A Chá	1987	Nam	Mông		Không
81	Mùa Thị Mỹ	1977	Nữ	Mông		Không
82	Mùa A Tòng	1974	Nam	Mông	Bản Lồng	Không
83	Sùng A Vả	1982	Nam	Mông		Không
84	Mùa A Dề	1975	Nam	Mông		Trung cấp
85	Vàng Thị Chứ	1993	Nữ	Mông		Trung cấp
86	Mùa A Tú	1995	Nam	Mông		Không
87	Lầu A Xình	1989	Nam	Mông	Bản Háng Tàu	Không

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổ hòa giải	Trình độ chuyên môn (Nếu có)
88	Sùng Nhì Sá	1965	Nam	Mông		Không
89	Thào A Nếnh	1992	Nam	Mông		Không
90	Thào A Xá	1990	Nam	Mông		Đại học
91	Lầu Thị Cá	1989	Nữ	Mông		Không
92	Tòng Văn Dũng	1983	Nam	Thái	Bản Xuân Ái	Đại học
93	Lò Văn Minh	1995	Nam	Thái		Không
94	Lò Văn Xiển	1963	Nam	Thái		Không
95	Quàng Thị Quang	1989	Nữ	Thái		Trung cấp
96	Lò Thị Diện	1993	Nữ	Thái		Trung Cấp